

§7. Đa thức một biến

1. Đa thức một biến

- Đa thức một biến là tổng của những đơn thức của cùng một biến.

Chẳng hạn : $A = 7y^2 - 3y + \frac{1}{2}$ là đa thức của biến y ;

$B = 2x^5 - 3x + 7x^3 + 4x^5 + \frac{1}{2}$ là đa thức của biến x .

- Mỗi số được coi là một đa thức một biến.
- Để chỉ rõ A là đa thức của biến y , B là đa thức của biến x , ... người ta viết $A(y)$, $B(x)$, Khi đó, giá trị của đa thức $A(y)$ tại $y = -1$ được kí hiệu là $A(-1)$, giá trị của đa thức $B(x)$ tại $x = 2$ được kí hiệu là $B(2)$,
- Bậc của đa thức một biến (khác đa thức không, đã thu gọn) là số mũ lớn nhất của biến trong đa thức đó.

2. Sắp xếp một đa thức

Để thuận lợi cho việc tính toán đối với các đa thức một biến, người ta thường sắp xếp các hạng tử của chúng theo lũy thừa tăng hoặc giảm của biến.

Ví dụ : Đối với đa thức

$$P(x) = 6x + 3 - 6x^2 + x^3 + 2x^4,$$

khi sắp xếp các hạng tử của nó theo lũy thừa giảm của biến, ta được :

$$P(x) = 2x^4 + x^3 - 6x^2 + 6x + 3,$$

và theo lũy thừa tăng của biến, ta được :

$$P(x) = 3 + 6x - 6x^2 + x^3 + 2x^4.$$

► Chú ý :

Để sắp xếp các hạng tử của một đa thức, trước hết phải thu gọn đa thức đó.

3. Hệ số

Xét đa thức $P(x) = 6x^5 + 7x^3 - 3x + \frac{1}{2}$.

Đó là một đa thức đã thu gọn. Ta nói 6 là hệ số của lũy thừa bậc 5 ; 7 là hệ số của lũy thừa bậc 3 ; -3 là hệ số của lũy thừa bậc 1 ; $\frac{1}{2}$ là hệ số của lũy thừa bậc 0 (còn gọi là *hệ số tự do*). Vì bậc của đa thức $P(x)$ bằng 5 nên hệ số của lũy thừa bậc 5 còn gọi là *hệ số cao nhất*.

► **Chú ý :**

Còn có thể viết đa thức $P(x)$ đầy đủ từ lũy thừa bậc cao nhất đến lũy thừa bậc 0 là :

$$P(x) = 6x^5 + 0x^4 + 7x^3 + 0x^2 - 3x + \frac{1}{2}.$$

Vì thế, ta nói hệ số của các lũy thừa bậc 4, bậc 2 của $P(x)$ bằng 0.

Bài tập

39. Cho đa thức : $P(x) = 2 + 5x^2 - 3x^3 + 4x^2 - 2x - x^3 + 6x^5$.
- a) Thu gọn và sắp xếp các hạng tử của $P(x)$ theo lũy thừa giảm của biến.
 - b) Viết các hệ số khác 0 của đa thức $P(x)$.
40. Cho đa thức $Q(x) = x^2 + 2x^4 + 4x^3 - 5x^6 + 3x^2 - 4x - 1$.
- a) Sắp xếp các hạng tử của $Q(x)$ theo lũy thừa giảm của biến.
 - b) Chỉ ra các hệ số khác 0 của $Q(x)$.
42. Tính giá trị của đa thức $P(x) = x^2 - 6x + 9$ tại $x = 3$ và tại $x = -3$.

§8. Cộng, trừ đa thức một biến

1. Cộng hai đa thức một biến

Ví dụ : Cho hai đa thức :

$$P(x) = 2x^5 + 5x^4 - x^3 + x^2 - x - 1$$

$$Q(x) = -x^4 + x^3 + 5x + 2.$$

Hãy tính tổng của chúng.

Giải :

Cách 1 :

$$\begin{aligned}
 P(x) + Q(x) &= (2x^5 + 5x^4 - x^3 + x^2 - x - 1) + (-x^4 + x^3 + 5x + 2) \\
 &= 2x^5 + 5x^4 - x^3 + x^2 - x - 1 - x^4 + x^3 + 5x + 2 \\
 &= 2x^5 + (5x^4 - x^4) + (-x^3 + x^3) + x^2 + (-x + 5x) + (-1 + 2) \\
 &= 2x^5 + 4x^4 + x^2 + 4x + 1.
 \end{aligned}$$

Cách 2 : Ta đặt và thực hiện phép cộng như sau (chú ý đặt các đơn thức đồng dạng ở cùng một cột) :

$$\begin{array}{r}
 P(x) = 2x^5 + 5x^4 - x^3 + x^2 - x - 1 \\
 + \\
 Q(x) = \quad - x^4 + x^3 \quad + 5x + 2 \\
 \hline
 P(x) + Q(x) = 2x^5 + 4x^4 \quad + x^2 + 4x + 1.
 \end{array}$$

2. Trừ hai đa thức một biến

Ví dụ : Tính $P(x) - Q(x)$ với $P(x)$ và $Q(x)$ đã cho ở phần 1.

Cách 1 : Học sinh tự giải theo cách trừ hai đa thức đã học ở §6.

Cách 2 : Đặt và thực hiện phép trừ như sau :

$$\begin{array}{r}
 P(x) = 2x^5 + 5x^4 - x^3 + x^2 - x - 1 \\
 - \\
 Q(x) = \quad - x^4 + x^3 \quad + 5x + 2 \\
 \hline
 P(x) - Q(x) = 2x^5 + 6x^4 - 2x^3 + x^2 - 6x - 3.
 \end{array}$$

Bài tập

44. Cho hai đa thức : $P(x) = -5x^3 - \frac{1}{3} + 8x^4 + x^2$
 và $Q(x) = x^2 - 5x - 2x^3 + x^4 - \frac{2}{3}$.

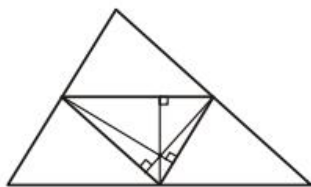
Hãy tính $P(x) + Q(x)$ và $P(x) - Q(x)$.

45. Cho đa thức $P(x) = x^4 - 3x^2 + \frac{1}{2} - x$.

Tìm các đa thức $Q(x)$, $R(x)$, sao cho :

- a) $P(x) + Q(x) = x^5 - 2x^2 + 1$.
 b) $P(x) - R(x) = x^3$.

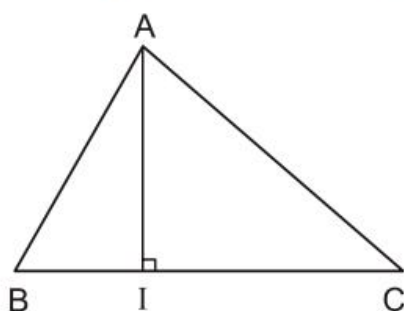
§9. Tính chất ba đường cao của tam giác



Điều lí thú :

Ba đường cao của tam giác này lại là ba đường trung trực của tam giác khác !

1. Đường cao của tam giác



Hình 53

Trong một tam giác, đoạn vuông góc kẻ từ một đỉnh đến đường thẳng chứa cạnh đối diện gọi là *đường cao* của tam giác đó.

Trong hình 53, đoạn thẳng AI là một đường cao của tam giác ABC. Ta còn nói AI là đường cao xuất phát từ đỉnh A (của tam giác ABC).

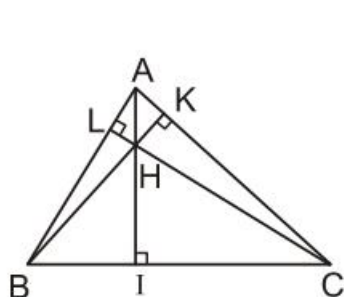
Đôi khi ta cũng gọi đường thẳng AI là một đường cao của tam giác ABC.

Mỗi tam giác có ba đường cao.

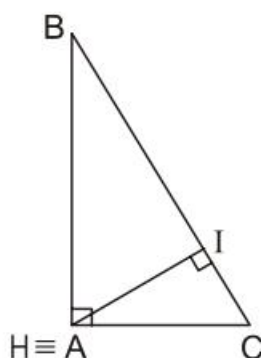
2. Tính chất ba đường cao của tam giác

Định lí

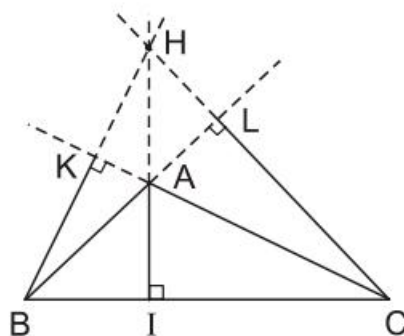
Ba đường cao của một tam giác cùng đi qua một điểm.



a)



b)



c)

Cụ thể (xem các hình 54a, b, c) : Ba đường cao AI, BK, CL cùng đi qua (đồng quy tại) điểm H.

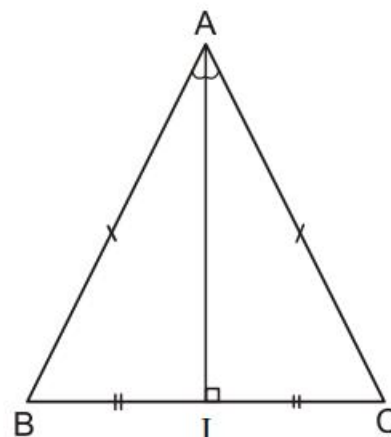
Điểm H gọi là *trực tâm* của tam giác ABC.

3. Về các đường cao, trung tuyến, trung trực, phân giác của tam giác cân

Từ các điều đã biết trong §6 và §8, ta có tính chất sau :

Tính chất của tam giác cân

Trong một tam giác cân, đường trung trực ứng với cạnh đáy đồng thời là đường phân giác, đường trung tuyến và đường cao cùng xuất phát từ đỉnh đối diện với cạnh đó (h. 55).



Nhận xét :

Trong một tam giác, nếu hai trong bốn loại đường (đường trung tuyến, đường phân giác, đường cao cùng xuất phát từ một đỉnh và đường trung trực ứng với cạnh đối diện của đỉnh này) trùng nhau thì tam giác đó là một tam giác cân.

59. Cho hình 57.

a) Chứng minh $NS \perp LM$.

b) Khi $\widehat{LNP} = 50^\circ$, hãy tính góc MSP và góc PSQ.

60. Trên đường thẳng d, lấy ba điểm phân biệt I, J, K (J ở giữa I và K).

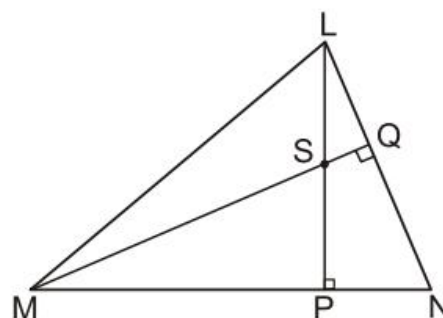
Kẻ đường thẳng l vuông góc với d tại J. Trên l lấy điểm M khác với điểm J. Đường thẳng qua I vuông góc với MK cắt l tại N.

Chứng minh rằng $KN \perp IM$.

61. Cho tam giác ABC không vuông. Gọi H là trực tâm của nó.

a) Hãy chỉ ra các đường cao của tam giác HBC. Từ đó hãy chỉ ra trực tâm của tam giác đó.

b) Tương tự, hãy lần lượt chỉ ra trực tâm của các tam giác HAB và HAC.



Hình 57

NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN NGỮ VĂN 7
Năm học 2021-2022

Phần I: Đọc hiểu (5 điểm)

- Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa. Các kiến thức liên quan đến văn bản, tiếng việt trong HK II (từ tuần 1 đến tuần 14)

- Nhận biết được phương thức biểu đạt, nội dung, ý nghĩa, chủ đề của đoạn trích.
- Nhận biết được trạng ngữ, câu rút gọn, câu đặc biệt, liệt kê và công dụng.
- Biết cách dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.
- Biết cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.
- Hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh xuất hiện xuất hiện trong văn bản/ đoạn trích...

- Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ bài học, thông điệp rút ra từ ngữ liệu.

Phần 2: Tạo lập văn bản (5 điểm)

HS chọn một trong hai đề

1. Nghị luận chứng minh hoặc giải thích về một câu tục ngữ.
2. Nghị luận chứng minh hoặc giải thích về vấn đề được rút ra từ câu chuyện, đoạn trích...

Nhóm trưởng

Đoàn Thị Bình

NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA CUỐI HK2 TIẾNG ANH 7lek
NĂM HỌC: 2021-2022

* Nội dung ôn tập: Unit 9 đến Unit 14

* Vocabulary: Unit 9 → Unit 14

* Word Form: Unit 9 → Unit 14

	VERB	NOUN	ADJECTIVE	ADVERB	MEANING
1	care	care	careful # careless	carefully #carelessly	cẩn thận # bất cẩn
2	differ	difference	different	differently	khác
3		Dirt	dirty		dơ bẩn
4			regular	regularly	Thường xuyên
5			good	well	tốt
6		health	Healthy/unhealthy	healthily	khỏe mạnh
7	help	Help	helpful	helpfully	giúp đỡ
8	treat	treatment	treatable		xử lý- điều trị
9		tooth→ teeth toothache			răng bệnh đau răng
10	type	Type	typical		tiêu biểu
11	taste	Taste	tasty		có vị ngon
12	use	Use	useful	usefully	có ích, hữu ích
13	interest	Interest	Interesting interested	interestingly interestedly	Thú vị, thích thú
14		Safety	Safe /unsafe	safely	an toàn
15	slow	Slowness	slow	slowly	chậm
16		stomach stomachache			dạ dày bệnh đau dạ dày

* **Transformation:**

1,....like.....better than.... →.....preferto.....

2 , It takes/took + someone +time +to V..... → S+ spend(s)/ spent +time + Ving....

3.adv→adj

4....enjoy/like /love → be interested in / be fond of/ be keen on

5/neither/either, so/too.

6/ It is/was +adj.....to V→ Ving ...is/was +adj

VẬT LÝ 7- TUẦN 12

Bài 26: Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ điện

I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ dùng điện

- Trong một mạch điện kín, hiệu điện thế giữa hai đầu vật dẫn tạo ra dòng điện chạy qua vật dẫn đó.
- Đối với một vật dẫn nhất định (bóng đèn, nồi cơm điện bàn là điện...) nếu hiệu điện thế giữa hai đầu vật dẫn càng lớn thì cường độ dòng điện chạy qua vật dẫn đó càng lớn.
- Số vôn ghi trên mỗi dụng cụ dùng điện cho biết giá trị hiệu điện thế định mức của dụng cụ đó.
- Hiệu điện thế định mức là hiệu điện thế lớn nhất mà dụng cụ đó có thể chịu đựng được.



Cổng tơ



Quạt điện

2. Lưu ý

- + Khi hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn bằng 0 thì không có dòng điện chạy qua nó.
- + Giữa hai đầu các cực của nguồn điện dù khi mạch hở hay mạch kín đều có hiệu điện thế.
- + Mỗi dụng cụ điện sẽ hoạt động bình thường khi hiệu điện thế sử dụng đúng bằng hiệu điện thế định mức của nó.
- + Nếu hiệu điện thế sử dụng lớn hơn hiệu điện thế định mức thì dụng cụ điện sẽ hỏng.
- + Nếu hiệu điện thế sử dụng nhỏ hơn hiệu điện thế định mức, đối với các dụng cụ hoạt động dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện như bóng đèn có dây tóc, bàn là, bếp điện... vẫn có thể hoạt động nhưng yếu hơn bình thường; còn đối với các dụng cụ điện như: quạt điện, máy bơm nước, tủ lạnh, tivi, máy vi tính... có thể bị hư hỏng.

Vì vậy người ta thường dùng một dụng cụ gọi là ổn áp có tác dụng điều chỉnh để luôn có hiệu điện thế bằng hiệu điện thế định mức.



Ổn áp



SINH HỌC 7- TUẦN 12

BÀI 58: ĐA DẠNG SINH HỌC (TIẾP THEO)

I. Đa dạng sinh học động vật ở môi trường nhiệt đới gió mùa

- Môi trường nhiệt đới gió mùa có khí hậu nóng, ẩm tương đối ổn định, thích hợp với sự sống của mọi loài sinh vật. Điều này đã tạo điều kiện cho các loài động vật ở vùng nhiệt đới gió mùa thích nghi và chuyên hóa cao đối với những điều kiện sống rất đa dạng của môi trường.

II. Những lợi ích của đa dạng sinh học

- Đa dạng sinh học động vật ở Việt Nam đã được biểu hiện cụ thể ở các nguồn tài nguyên về động vật.
- Nguồn tài nguyên động vật đã cung cấp cho nhân dân ta thực phẩm, sức kéo, dược liệu, sản xuất công nghiệp (da, lông, sáp ong, cánh kiến...), nông nghiệp (thức ăn gia súc, phân bón), có những loài có tác dụng tiêu diệt các loài sinh vật có hại, có giá trị văn hóa (cá cảnh, chim cảnh), giống vật nuôi (gia cầm, gia súc và những động vật nuôi khác...)
- Tài nguyên động vật là tài nguyên chung, có vai trò quyết định tới sự phát triển bền vững của đất nước chúng ta.

III. Nguy cơ suy giảm và việc bảo vệ đa dạng sinh học

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm sút độ đa dạng sinh học là:

- Nạn phá rừng, khai thác gỗ và các lâm sản khác, du canh, di dân khai hoang, nuôi trồng thủy sản, xây dựng đô thị, làm mất môi trường sống của động vật.
- Sự săn bắt buôn bán động vật hoang dại cộng với việc sử dụng tràn lan thuốc trừ sâu, việc thải các chất thải của các nhà máy, đặc biệt là khai thác dầu khí hoặc giao thông trên biển.

*** Biện pháp khắc phục**

- Cấm đốt, phá, khai thác rừng bừa bãi, săn bắt buôn bán động vật, đẩy mạnh các biện pháp chống ô nhiễm môi trường.

BÀI 59: BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH SINH HỌC

I. Thế nào là biện pháp đấu tranh sinh học

Những biện pháp đấu tranh sinh học gồm: Sử dụng các thiên địch (sinh vật tiêu diệt sinh vật có hại), gây bệnh truyền nhiễm và gây vô sinh ở động vật gây hại, nhằm hạn chế tác động gây hại của sinh vật gây hại.

II. Biện pháp đấu tranh sinh học

1. Sử dụng thiên địch

a. Sử dụng thiên địch tiêu diệt sinh vật gây hại

- Ví dụ: mèo diệt chuột, gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) diệt các loài sâu bọ, cua, ốc mang vật chủ trung gian...

b. Sử dụng những thiên địch để trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sâu hại.

- Cây xương rồng được nhập vào nhiều nước để làm bờ rào và thuốc nhuộm. Khi cây xương rồng phát triển quá mạnh, người ta đã sử dụng một loài bướm đêm từ Achentina. Bướm đêm đẻ trứng lên cây xương rồng, ấu trùng nở ra, ăn cây xương rồng.

- Ong mắt đỏ đẻ trứng lên sâu xám (trứng sâu hại ngô). Ấu trùng nở ra, đục và ăn trứng sâu xám.

2. Sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm cho sinh vật gây hại

Người ta đã dùng vi khuẩn Myoma + vi khuẩn Calixi gây bệnh cho thỏ tại Úc để ngăn cản nạn thỏ.

3. Gây vô sinh diệt động vật gây hại

Ở miền Nam nước Mỹ, để diệt loài ruồi gây loét da ở bò, người ta đã làm tuyệt sản ruồi đực. Ruồi cái không sinh đẻ được.

III. Ưu điểm và những hạn chế của những biện pháp đấu tranh sinh học

1. Ưu điểm

Sử dụng đấu tranh sinh học đã mang lại những hiệu quả cao, tiêu diệt những loài sinh vật có hại, thể hiện nhiều ưu điểm so với thuốc trừ sâu, diệt chuột. Những loài thuốc này gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm rau, quả, ảnh hưởng xấu tới sinh vật có ích và sức khỏe con người, gây hiện tượng quen thuốc, giá thành còn cao.

2. Hạn chế

- Nhiều loài thiên địch được di nhập, vì không quen với khí hậu địa phương nên phát triển kém.

- Thiên địch không diệt triệt để được sinh vật gây hại mà chỉ kìm hãm sự phát triển của chúng.

- Sự tiêu diệt loài sinh vật có hại này lại tạo điều kiện cho loài sinh vật khác phát triển.

- Một loài thiên địch vừa có thể có ích vừa có thể có hại.

LỊCH SỬ 7- TUẦN 12
CHƯƠNG VI: VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX
Bài 27: CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN

I. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ - KINH TẾ:

1. Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền:

- Năm 1801, Nguyễn Ánh đánh bại triều Tây Sơn.
- Năm 1802, lấy hiệu **Gia Long**, đóng đô **Phú Xuân**.
- Năm 1806, lên ngôi Hoàng đế, nắm **toàn quyền**.
- Năm 1815, ra **Hoàng triều luật lệ** (luật Gia Long).
- Năm 1832, chia nước làm **30 tỉnh** và **1 phủ**.
- Quân đội: xây thành, lập trạm **chuyển tin**.
- Ngoại giao:
 - + **Thần phục** nhà Thanh;
 - + Không tiếp xúc với **phương Tây**.

2. Kinh tế dưới triều Nguyễn:

- **Nông nghiệp:**
 - + Thực hiện **khai hoang** và **quân điền** nhưng mất tác dụng vì ruộng đất bị lấn chiếm.
 - + Ít **sửa chữa** đê nên lũ lụt, hạn hán.
- **Các nghề thủ công không ngừng phát triển:**
 - + Xưởng nhà nước **tập trung** các thợ giỏi;
 - + **Mở rộng** khai mỏ nhưng sa sút dần;
 - + Thủ công trong dân gian còn **phân tán**.
- **Đất nước thống nhất nên buôn bán thuận lợi:**
 - + Có nhiều thành thị và thị tứ mới;
 - + **Buôn bán** với các nước **Đông Nam Á**;
 - + **Hạn chế** buôn bán với phương Tây.

Thứ.....ngày.....tháng.....năm.....

Bài 27: CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN

II. CÁC CUỘC NỔI DẬY CỦA NHÂN DÂN:

1. Đời sống nhân dân dưới triều Nguyễn:

- Địa chủ, **hào lí** chiếm đoạt ruộng đất.
- Quan **tham nhũng**, tô thuế và **lao dịch** nặng.

- Nạn đói và bệnh dịch ở **khắp nơi**.

2. Các cuộc nổi dậy:

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa bàn hoạt động	Ý nghĩa
Phan Ba Vành	Năm 1821-1827	Trà Lũ(Nam Định)	Góp phần làm lung lay triều đình nhà Nguyễn.
Nông Văn Vân	Năm 1833-1835	Miền núi phía Bắc	
Lê Văn Khôi	Năm 1833-1835	Nam Kì	
Cao Bá Quát	Năm 1854-1856	Hà Nội	
Nhận xét chung về các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa đầu thế kỉ XIX			
Nguyên nhân:	Đời sống các tầng lớp nhân dân ngày càng khổ cực vì địa chủ chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề. Nạn đói, dịch bệnh hoành hành khắp nơi.		
Mục tiêu:	Chống lại phong kiến nhà Nguyễn.		
Lực lượng tham gia:	Nhiều tầng lớp nhân dân.		
Quy mô:	Rộng khắp cả nước, từ bắc chí nam, từ miền ngược đến miền xuôi.		

Địa Lí 7

Bài 56: Khu vực Bắc Âu

1. Khái quát tự nhiên Bắc Âu:

a. Vị trí :

- Phần lớn diện tích nằm trong vùng ôn đới lạnh.
- Gồm bán đảo Aixơlen và bán đảo Xcandinavi có 3 nước: Nauy, Thụy Điển, Phần Lan.

b. Địa hình:

- + Bờ biển dạng fio ở Nauy.
- + Hồ đầm ở Phần Lan.
- + Núi lửa ở Aixơlen.
- Bán đảo Xcandinavi núi và cao nguyên chiếm diện tích lớn.

c. Khí hậu:

- Lạnh giá về mùa đông.
- Mát mẻ về mùa hạ.
- Sườn tây Xcandinavi do ảnh hưởng của dòng biển nóng và gió tây ôn đới nên mùa đông không lạnh lắm, biển không đóng băng.

d. Tài nguyên:

- Dầu mỏ, quặng, sắt, đồng.
- Rừng, đồng cỏ.
- Biển, thủy điện.

2. Kinh tế khu vực Bắc Âu:

- Các nước trong khu vực Bắc Âu có nền kinh tế phát triển đa dạng mức sống cao dựa trên việc khai thác tài nguyên hợp lý để phát triển kinh tế đạt hiệu quả.

Bài 57: Khu vực Tây và Trung Âu

1. Khái quát tự nhiên:

a. Vị trí:

- Trải dài từ quần đảo Anh, Ai Len => dãy Các pat .
- Gồm 13 quốc gia.

b. Địa hình :

- Miền đồng bằng phía bắc.
- Miền núi già ở giữa
- Miền núi trẻ ở phía nam.

c. Khí hậu, sông ngòi:

- + Nằm hoàn toàn trong đới ôn hoà khu vực có gió tây ôn đới thường xuyên hoạt động .
- + Chịu ảnh hưởng của biển sâu sắc.
- + Sông ngòi ven biển phía tây nhiều nước quanh năm.
- + Sông ngòi phía đông của khu vực đóng băng về mùa đông.

2. Kinh tế:

a. Công nghiệp:

- Có nhiều cường quốc công nghiệp hàng đầu thế giới.
- Nhiều ngành công nghiệp truyền thống và hiện đại, nhiều hải cảng lớn.

b. Nông nghiệp:- Nông nghiệp đạt trình độ thâm canh cao.

- Chăn nuôi chiếm ưu thế hơn trồng trọt, sản phẩm chăn nuôi có giá trị xuất khẩu cao.

c. Dịch vụ:- Phát triển chiếm 2/3 tổng thu nhập quốc dân.

Trường THCS Trần Văn Quang Q Tân Bình

BÀI GHI LỚP 7 MÔN GDCD

Tuần 12 (18/4 - 23/4/22)

BÀI 17: NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TIẾT 2)

I. Thông tin – sự kiện: *HS phân tích thông tin trong Sgk*

II. Nội dung bài học:

b/ Phân cấp bộ máy nhà nước: 4 cấp: Trung ương, tỉnh (thành phố), quận (huyện) , phường (xã).

- Quốc hội, chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao.
- HĐND, UBND, TAND, VKSND tỉnh-thành phố.
- HĐND, UBND, TAND, VKSND huyện (quận, thị xã)
- HĐND - UBND xã (Phường, thị trấn).

c/ Trách nhiệm của Nhà nước và công dân

- Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ gìn và nâng cao đời sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân; bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước giàu mạnh.
- Công dân có quyền và trách nhiệm giám sát, góp ý kiến vào hoạt động của các đại biểu và các cơ quan đại diện do mình bầu ra, đồng thời có nghĩa vụ thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ các cơ quan nhà nước, giúp đỡ các cán bộ nhà nước thi hành công vụ.

III. Luyện tập :

- *HS làm các bài tập SGK*
- *Xử lý bài tập tình huống*

IV. Dặn dò:

- Học bài và chuẩn bị bài 18
- Làm các bài tập / SGK và các bài tập tình huống.
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối HKII

BÀI TẬP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Câu 1: “ Hiện nay ở một số nơi vẫn còn các tình trạng ma chay, cưới hỏi linh đình, người bệnh thì tìm đến thầy cúng để chữa bệnh bằng phù phép, mê tín dị đoan...Những việc làm đó ảnh hưởng đến đời sống văn hoá ở cộng đồng dân cư ”.

a/ Em có nhận xét gì về hiện tượng trên ?

b/ Theo em, học sinh chúng ta cần phải làm gì để phòng chống việc mê tín dị đoan ?

c/ Em hãy kể những biểu hiện của việc mê tín dị đoan trong học sinh hiện nay?

Câu 2: “ Đi tham quan Viện bảo tàng lịch sử, tại đây trưng bày nhiều hiện vật quý hiếm. Khi xem các hiện vật, cổ vật, có một số bạn cười đùa, chế giễu và tự ý cầm hiện vật lên xem ”.

a/ Theo em, hành vi đó của các bạn có đúng không? vì sao?

b/ Từ việc làm trên của các bạn, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

Câu 3: “ Trong một lần đi tham quan thắng cảnh Phong Nha – Kẻ Bàng (ở Tỉnh Quảng Bình) thấy trên vách đá các hang động có những chữ khắc hoặc viết tên chằng chịt lên đó, bạn Thanh bày tỏ thái độ phê phán, không hài lòng về những việc làm đó. Tuy nhiên, có một số bạn lại đồng tình, vì theo họ việc khắc chữ trên vách đá sẽ để lại kỷ niệm đẹp ”.

a/ Theo em, hành vi của các bạn có đúng không? vì sao?

b/ Từ việc làm trên của các bạn, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

Câu 4: “ Đầu giờ truy bài, Sao Đỏ đến chấm điểm thi đua của lớp 7A thì thấy Tân đang đùa nghịch, chạy nhảy khắp lớp. Sao Đỏ nhắc nhở thì Tân liền đấm ngay vào mặt bạn Sao Đỏ và còn chế nhạo bạn là tay sai, là người giúp việc ”.

a/ Em có nhận xét gì về hành động của Tân trong tình huống trên?

b/ Em sẽ ứng xử và hành động như thế nào nếu chứng kiến tình huống đó?

Câu 5: “ Trên đường đi học về Hùng và Đạt gặp lại Cô Hòa (dạy hai bạn vào năm lớp1). Bạn Hùng cúi chào và hỏi thăm cô, còn bạn Đạt thì ngó lơ không nhìn, đi vội qua trước rồi đứng đợi bạn cùng đi. Khi Cô đi rồi Hùng hỏi Đạt tại sao lại có thái độ như vậy. Đạt trả lời: cô có còn dạy mình nữa đâu mà chào chỉ cho mệt. Chỉ cần chào các thầy cô đang dạy là được rồi, chào cô không dạy thì vô ích ”.

a/ Em hãy nhận xét hành vi của Hùng và Đạt ?

b/ Nếu là em thì em sẽ làm gì trong trường hợp đó ?

Câu 6: “ Để không làm ảnh hưởng đến thành tích lớp trong kì thi học kì I sắp tới. Các bạn lớp 7A đã tổ chức thành nhóm bạn học tập. Các bạn nêu ra các biện pháp: kiểm tra bài giúp bạn đầu giờ, giảng lại kiến thức khó, hướng dẫn bạn làm bài tập về nhà và chỉ bài cho nhau trong lúc kiểm tra ”.

a. Em hãy nêu những biện pháp đúng, thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ

b. Em hãy cho biết biện pháp nào sai ? Vì sao ?

Câu 7: Có ý kiến cho rằng: “ Xây dựng gia đình văn hóa là trách nhiệm của người lớn, không phải trách nhiệm của trẻ em ”.

a. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

b. Là học sinh theo em cần làm gì để thực hiện tốt quyền và bổn phận của mình đối với gia đình?

Câu 8: “ Lâm thường xuyên đi học trễ và quên làm bài tập về nhà. Mặc dù được cô giáo nhắc nhở nhiều lần nhưng Lâm vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi mà còn nói với các bạn cô không thích Lâm nên nhắc nhở hoài ”.

Câu hỏi: Nhận xét việc làm và thái độ của Lâm có thể hiện tôn sư trọng đạo không? Nếu là bạn cùng lớp với Lâm, em sẽ làm gì ?

Câu 9: Trong lớp có Toàn là học sinh học chậm, hoàn cảnh gia đình lại khó khăn. Vì mặc cảm với bản thân mình nên Toàn không dám tham gia các hoạt động của trường lớp và không dám chơi với ai. Các bạn trong lớp thấy Toàn học chậm thường hay châm chọc và chế giễu Toàn, có khi còn bắt nạt Toàn vào giờ tan học về vì cho rằng bạn làm ảnh hưởng đến thi đua của lớp hàng tuần.

a/ Nhận xét việc làm của các bạn trong lớp Toàn đúng hay sai ? Vì sao ?

b/ Nếu là bạn học cùng lớp với Toàn em sẽ làm gì ?

Câu 10: Em có hiểu như thế nào về câu danh ngôn: “ Bạn có thể có nhiều bạn bè nhưng bạn chỉ có duy nhất một gia đình ” - Eugene Lebid.

Câu hỏi: Là học sinh, theo em cần làm gì để thực hiện tốt quyền và bổn phận của mình đối với gia đình?

BÀI 44: CHUỒNG NUÔI VÀ VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI

I. Chuồng nuôi:

1. Tầm quan trọng của chuồng nuôi:

- Chuồng nuôi là “nhà ở” của vật nuôi.
- Chuồng nuôi phù hợp sẽ bảo vệ sức khỏe vật nuôi, góp phần nâng cao năng suất vật nuôi.

2. Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh:

- Nhiệt độ thích hợp.
- Độ ẩm: 60-75%
- Độ thông thoáng tốt.
- Độ chiếu sáng thích hợp.
- Không khí ít khí độc.

II. Vệ sinh phòng bệnh:

1. Tầm quan trọng của vệ sinh trong chăn nuôi:

- Mục đích: để phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và nâng cao năng suất chăn nuôi.
- Phương châm: “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”.

2. Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi:

a) Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi:

Đảm bảo các yếu tố:

- _ Khí hậu, độ ẩm trong chuồng thích hợp.
- _ Thức ăn, nước uống phải đảm bảo hợp vệ sinh.

b) Vệ sinh thân thể cho vật nuôi:

Tùy loại vật nuôi, tùy mùa mà cho vật nuôi tắm, chải, vận động hợp lí.



BÀI THỰC HÀNH: CHẾ BIẾN VÀ ĐÁNH GIÁ THỨC ĂN GIÀU GLUXIT BẰNG MEN



Chế biến thức ăn giàu Gluxit bằng men

Bước 1: Cân bột và men rượu theo tỉ lệ: 100 phần bột và 4 phần men.

Bước 2: Giã nhỏ men rượu, bỏ bớt trấu.

Bước 3: Trộn đều men rượu với bột

Bước 4: Cho nước sạch vào, nhào kỹ đến đủ ẩm.

Bước 5: Nén nhẹ bột xuống cho đều. Phủ nilông sạch lên trên mặt. Đem ủ nơi kín gió, ẩm trong 24 giờ.

Báo cáo thực hành

Tên nhóm.....

Nguyên liệu

Cách chế biến.....

Chỉ tiêu đánh giá	Chưa chế biến	Kết quả chế biến	Yêu cầu đạt được	Đánh giá sản phẩm
- Trạng thái hạt				
- Màu sắc				
- Mùi				

Thường thức mỹ thuật

Vài Nét Về Mỹ Thuật Ý Thời Phục Hưng

I. Khái quát về thời Phục Hưng:

- Phục Hưng là khôi phục và làm cho hưng thịnh hơn nền văn hóa Hi Lạp, La Mã Cổ đại.
- Ý là cái nôi, là đỉnh cao nghệ thuật thời kỳ Phục Hưng.

II. Các giai đoạn phát triển của mỹ thuật Ý thời kì phục hưng:

	Giai đoạn I (TK XIV - bước đầu chập chững)	Giai đoạn II (TK XV) Tiền Phục Hưng	Giai đoạn III (TK XVI) Cực thịnh
Thành phố	Phlorăngxơ Xiên-nơ	Phlorăngxơ Venido	Roma
Chủ đề	Kinh thánh	Tôn giáo	Tôn giáo và con người hiện thực
Tác giả	Ximabuy Giotto (1266 – 1334)	Madacxio(1401- 1428) Paolo Ucello (1397-1475) Botticelli(1444 – 1510) Verokio(1435 – 1488	Leonard-De-Vinci (1452–1519) Michel-Ange(1475-1564 Giorgione (1473-1510) Titien (1477 – 1576) “Đức mẹ và chúa hài đồng”
Tác phẩm	Phán xét cuối cùng	“Món nợ của thần Pie” “Đi săn” “Mùa xuân”	“Trần diện Xích tin” “Vê nữ ngủ” “Lễ thăng thiên và gia miện của đức mẹ”

III. Đặc điểm của mỹ thuật Phục Hưng:

- Khai thác chủ đề tôn giáo, các nhân vật trong kinh thánh hoặc thần thoại tạo nên khung cảnh hiện thực và con người thời bấy giờ.
- Hình ảnh con người được diễn tả cân đối, biểu hiện nội tâm sâu sắc, sống động, chân thực qua cách diễn tả ánh sáng và chiều sâu không gian trong tranh

- Các họa sĩ Ý phục hưng là những người tìm cách diễn tả ánh sáng, chiều sâu theo luật xa gần của không gian trong tác phẩm

UBND QUẬN TÂN BÌNH TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG	KIỂM TRA HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022 MÔN ÂM NHẠC – LỚP 7 <i>Thời gian: 45 phút / Thực hành</i>
--	---

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN THI THỰC HÀNH (10 điểm – Thời gian : 45 phút)

Câu hỏi : Học sinh tùy chọn thực hành 3 bài hát và 3 Bài đọc nhạc đã học?

Yêu cầu:

- **KHÔNG SỬ DỤNG BÀI THỰC HÀNH KIỂM TRA GIỮA KÌ KHI NỘP BÀI THỰC HÀNH KIỂM TRA HỌC KÌ 2**
- Khi trình bày học sinh tùy chọn một trong ba bài hát và ba bài đọc nhạc.
- Bài hát: hát đúng giai điệu (1,5 điểm), thuộc lời ca (1,5 điểm) kèm động tác minh họa phù hợp bài hát (1 điểm) , có kèm theo nhạc đệm không lời khi hát (1 điểm) (quay một video clip hát hết bài một lần)
- Bài đọc nhạc: kết hợp gõ phách đọc nốt nhạc (3 điểm), đọc đúng cao độ, trường độ, tiết tấu (2 điểm) (quay một video clip đọc nốt + gõ phách hết bài một lần)
- Ghi âm và ghi hình có kèm gương mặt, động tác của học sinh để nhận diện khi chấm bài.
- Nộp bài Kiểm Tra Học Kỳ 2 vào trang Classroom
- Thời gian làm bài một tuần (từ ngày 18/04 đến 23/04/2022). SAU THỜI GIAN NÀY KHÔNG CHẤP NHẬN BÀI LÀM CỦA HỌC SINH DÙ BẤT CỨ LÝ DO GÌ

ĐÁP ÁN

PHẦN THI THỰC HÀNH (10 điểm – Thời gian : 45 phút)

A - Bài hát : (5 điểm)

1. ĐI CẮT LÚA

2. KHÚC CA BỐN MÙA

3. CA – CHIU – SA

B - Tập đọc nhạc : (5 điểm)

+ TĐN số 6 : XUÂN VỀ TRÊN BẮN

+ TĐN số 7 : QUÊ HƯƠNG

+ TĐN số 8 : CHÚ CHIM NHỎ DỄ THƯƠNG

Yêu cầu :

-.....Hát đúng nhạc và lời ca, thể hiện thái độ tình cảm của bài hát – Biết hát kết hợp gõ đệm theo phách, nhịp,tiết tấu,lời ca. Biết hát kết hợp vận động theo nhạc.

-.....Đọc nhạc chính xác kết hợp gõ đệm theo phách mạnh,nhẹ .Ghép lời ca kết hợp đánh nhịp ?

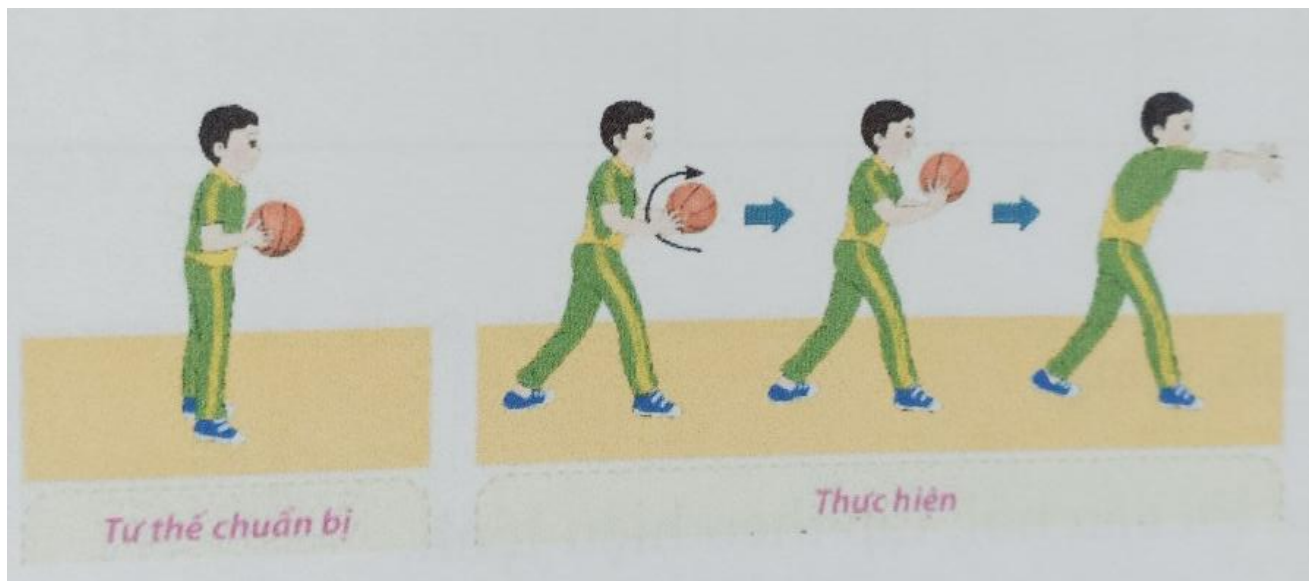
NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN THỂ DỤC 7 - TUẦN 12 HKII

MÔN BÓNG RỔ

(Hướng dẫn HS tự học)

I. KỸ THUẬT CHUYỀN BÓNG:

- TTCB: hai chân đứng rộng bằng vai, 2 tay giữ bóng ở nửa sau 2 bên bóng trước ngực.
- Thực hiện: chân sau đạp đất, đẩy thân người ra trước, đồng thời kéo bóng từ dưới lên trên, từ trong ra ngoài thành 1 đường vòng cung nhỏ đến ngang ngực thì cổ tay hơi xoay ra ngoài và duỗi 2 cánh tay về hướng chuyển. khi bóng rời tay, 2 lòng bàn tay hơi chéch ra ngoài. (xem hình).



II. Trò chơi vận động “Ai nhanh hơn”.

TIN HỌC 7
TUẦN 12 (18/04/2022 ĐẾN 23/4/2022)

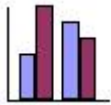
Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ

1. Minh hoạ số liệu bằng biểu đồ

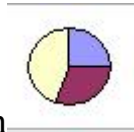
Biểu đồ là cách minh hoạ dữ liệu trực quan, giúp dễ so sánh số liệu, dự đoán xu thế tăng giảm của các số liệu.

2. Một số dạng biểu đồ

- Biểu đồ cột



- Biểu đồ đường gấp khúc



- Biểu đồ hình tròn

3. Tạo biểu đồ

3.1 Tạo biểu đồ bằng cách chấp nhận tất cả các thuộc tính ngầm định của biểu đồ

B1. Tạo bảng dữ liệu, Chọn một ô trong bảng dữ liệu

B2. Nhấn nút  (Chart Wizard) trên TCC -> Xuất hiện hộp thoại Chart Wizard đầu tiên (Có 4 hộp thoại Chart Wizard tương ứng với 4 bước)

B3. Nhấn liên tiếp **Next** trên các hộp thoại và nhấn nút **Finish** trên hộp thoại cuối cùng

3.2 Tạo biểu đồ bằng cách thêm thông tin trong từng bước khi tạo biểu đồ

a. Chọn dạng biểu đồ

Trên hộp thoại **Step 1 of 4 (bước 1)**

+ Tại **Chart Type**: Chọn nhóm biểu đồ

+ Tại **Chart sub-type**: chọn dạng biểu đồ trong nhóm

+ Nhấn **Next** để sang bước 2

Lưu ý: chọn kiểu biểu đồ phù hợp với dữ liệu cần biểu diễn

b. Xác định miền dữ liệu

Trên hộp thoại **Step 2 of 4**

+ Tại **Data range**: Chọn miền dữ liệu cần vẽ biểu đồ (kéo thả chuột trên trang tính chọn miền dl)

+ Tại **Series in**:

Row-Chọn dãy dữ liệu minh họa theo hàng

Column- Chọn dãy dữ liệu minh họa theo cột

+ Nhấn **Next** để sang bước 3

c. Các thông tin giải thích biểu đồ

Trên hộp thoại **Step 3 of 4**

- Trang Titles (Tiêu đề)

+ Tại **Chart title**: Vào tiêu đề biểu đồ

+ Tại **Category (X) axis**: Vào chú giải cho trục ngang

+ Tại **Value (Y) axis**: Vào chú giải cho trục đứng

d. Vị trí đặt biểu đồ

Trên hộp thoại **Step 4 of 4**

+ Tại **As new sheet**: Đặt biểu đồ trên trang tính mới

+ Tại **As object in**: Đặt biểu đồ trên trang tính có bảng dữ liệu.

4. Chỉnh sửa biểu đồ

a. Thay đổi vị trí của biểu đồ

Nháy chọn biểu đồ, kéo thả đến vị trí mới

b. Thay đổi dạng biểu đồ

B1. Nhấn vào mũi tên ở nút  (Chart Type) trên TCC **Chart**

B2. Chọn kiểu biểu đồ thích hợp

Lưu ý lấy TCC Chart

Vào View\Toolbar\Chart

c. Xóa biểu đồ

Chọn biểu đồ, nhấn phím **Delete**

d. Sao chép biểu đồ vào văn bản Word.

B1. Nhấn chuột vào biểu đồ, nhấn nút Copy 

B2. Mở văn bản word, nhấn nút Paste 